

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á

Ngày 30/06/2025	3,280 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.4%	-5.2%	-

DT thuần Q2/25
13.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.30 20.3%
YoY: ▼6.80 -33.3%

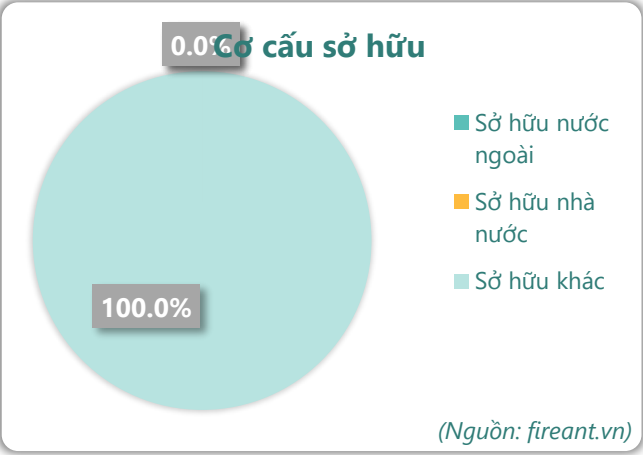
LN thuần Q2/25
3.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.77 211%
YoY: ▲ 1.22 67.6%

LN sau thuế Q2/25
-0.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.77 64.8%
YoY: ▼1.03 -1709%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
18.0%
YoY: +/-▲ 10.7%

ROE (TTM) Q2/25
0.6%
YoY: +/-▼ 0.1%

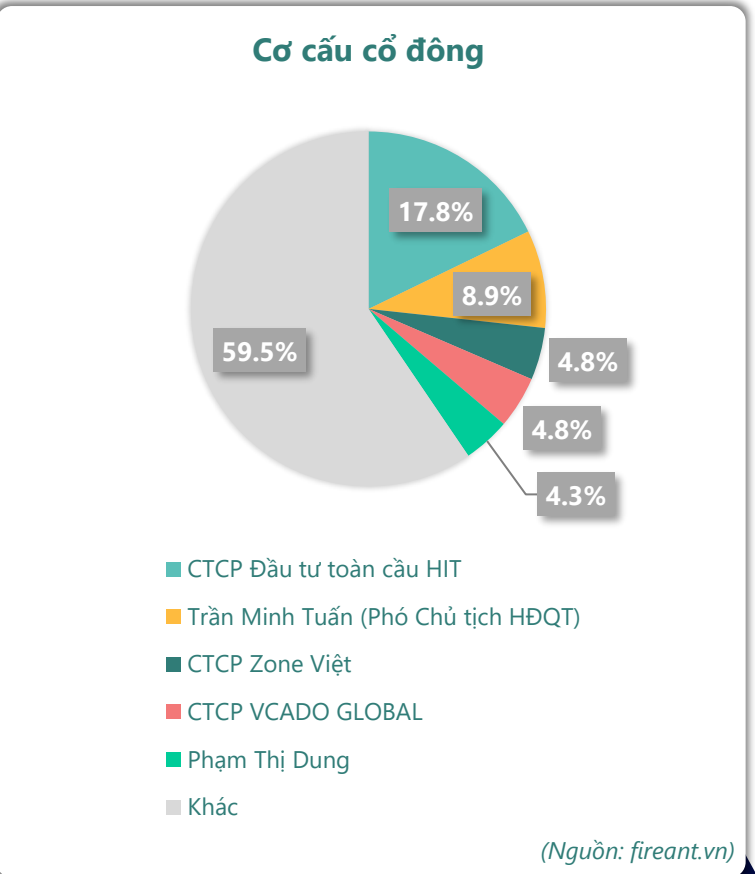
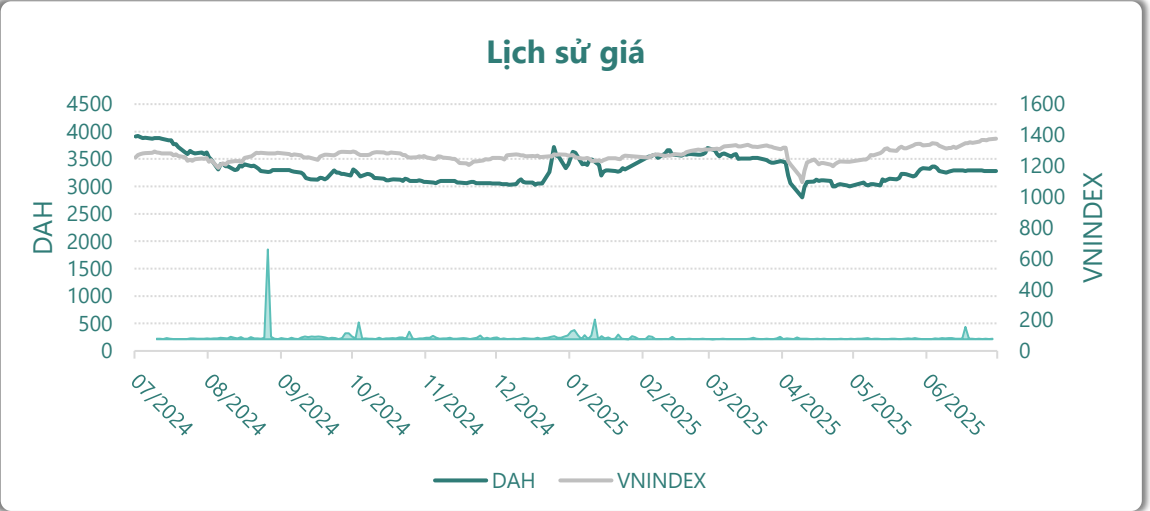
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,800 - 3,920
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	276
Số lượng CPLH (CP)	84,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,305
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.81
EPS	64
P/E	51.0



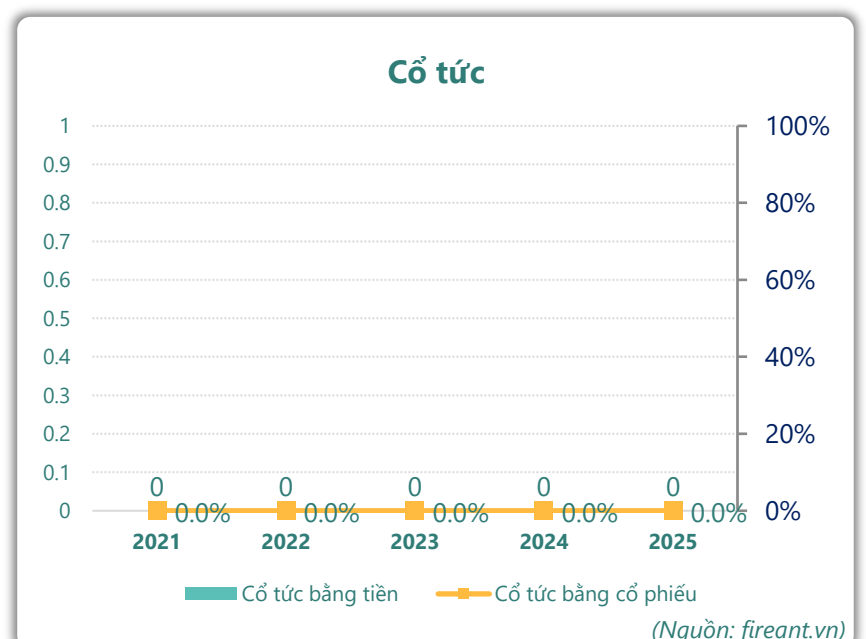
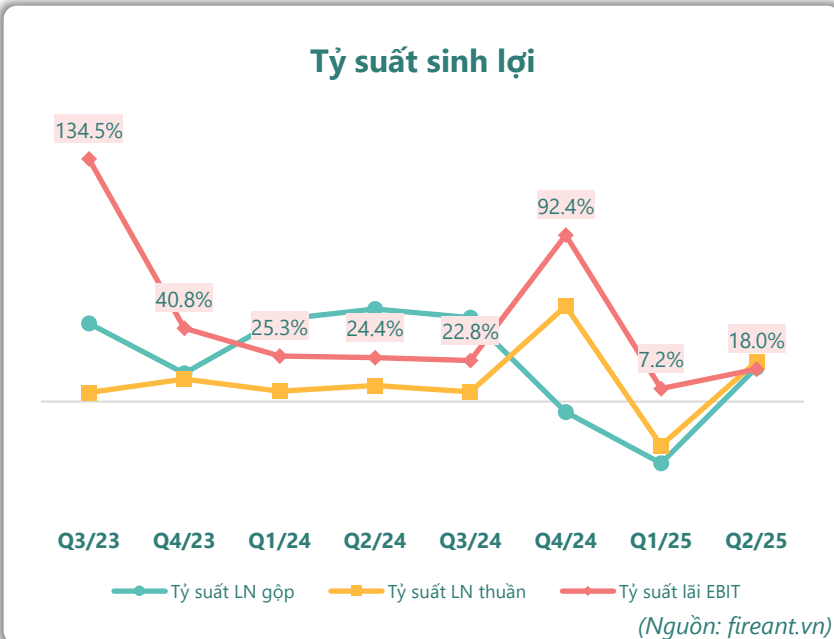
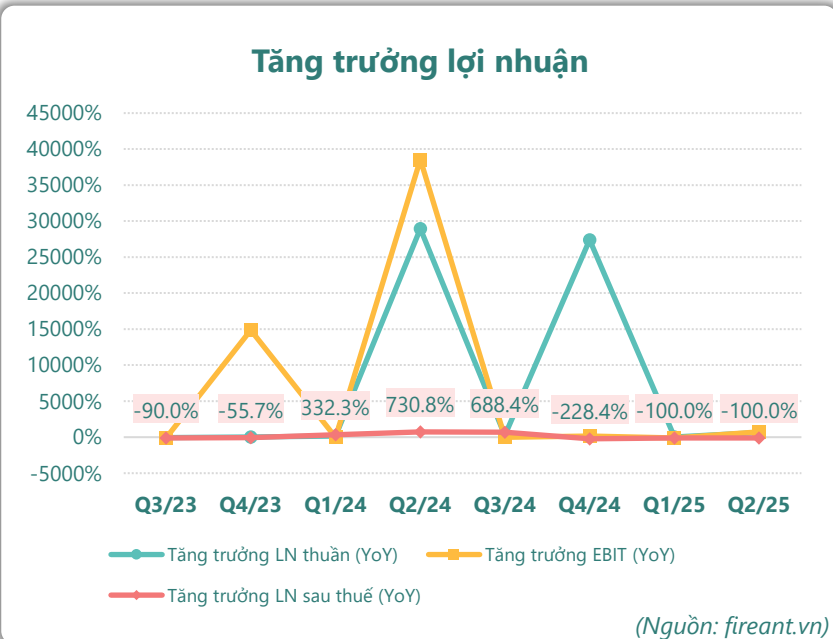
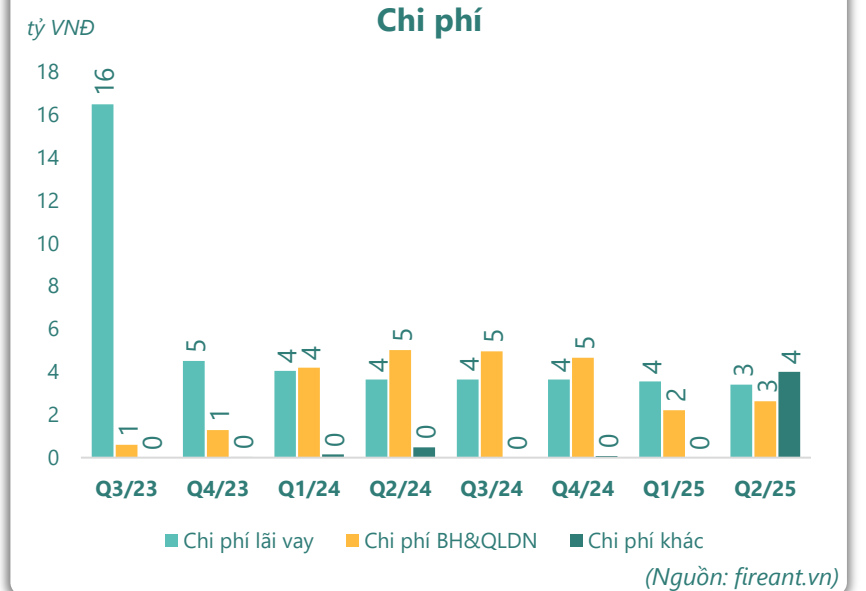
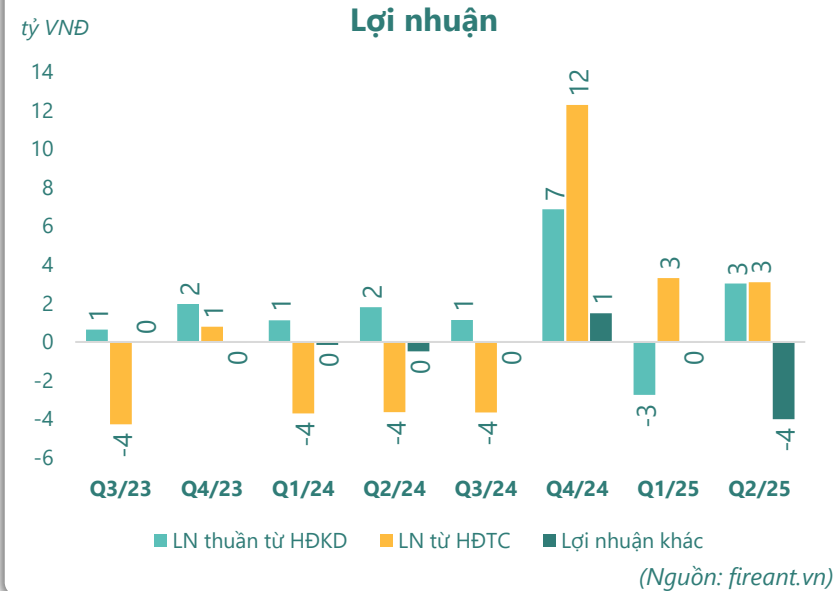
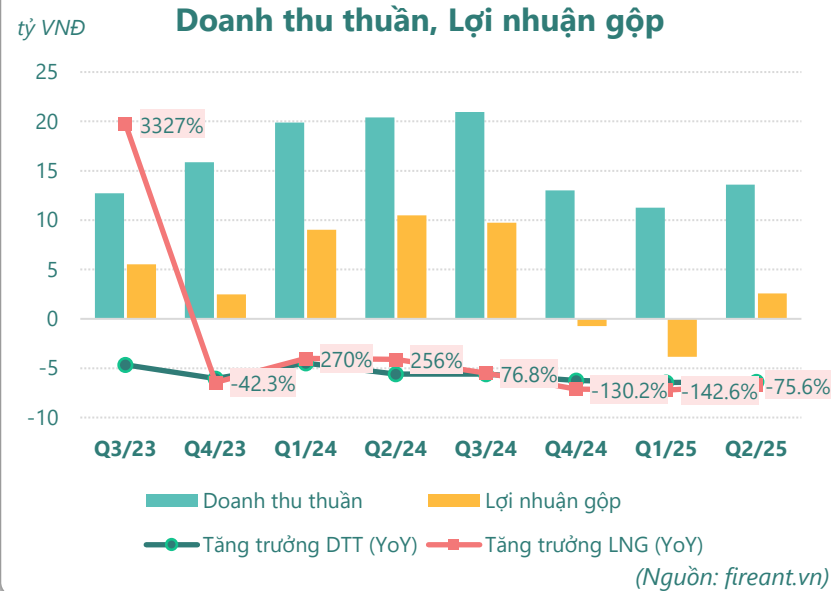
DT thuần 6T 2025
24.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.4 -38.3%

LN thuần 6T 2025
0.29
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.64 -90.0%

LN sau thuế 6T 2025
-3.71
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.89 -2154%



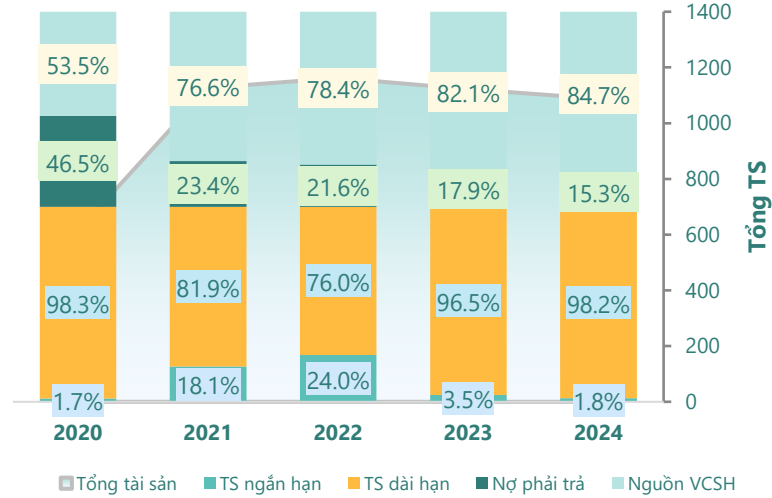
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

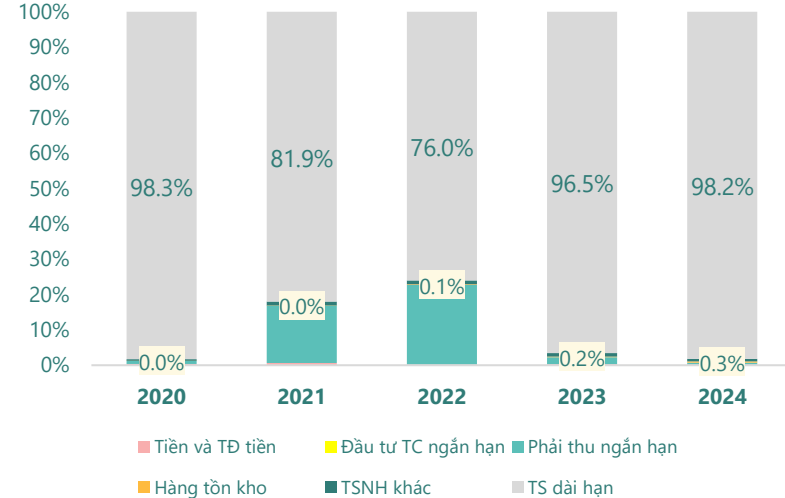
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

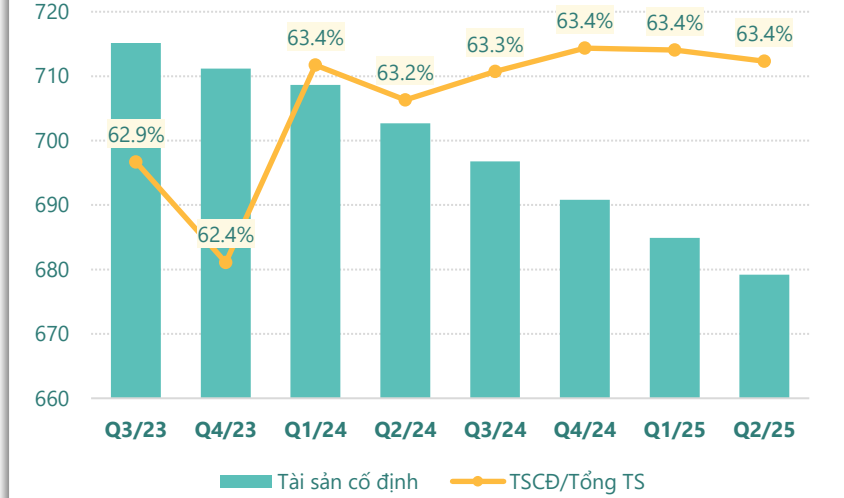
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

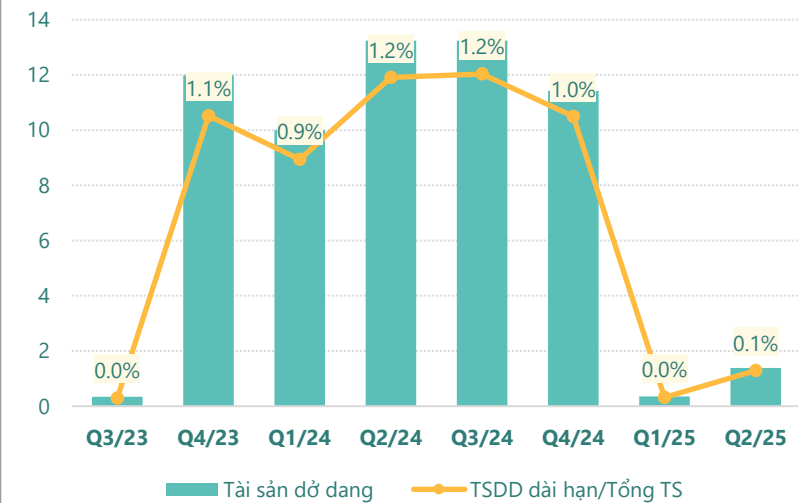
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

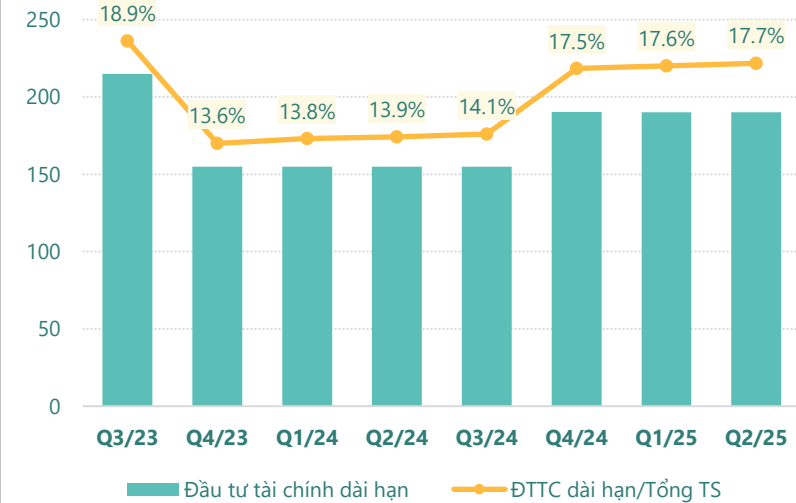
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

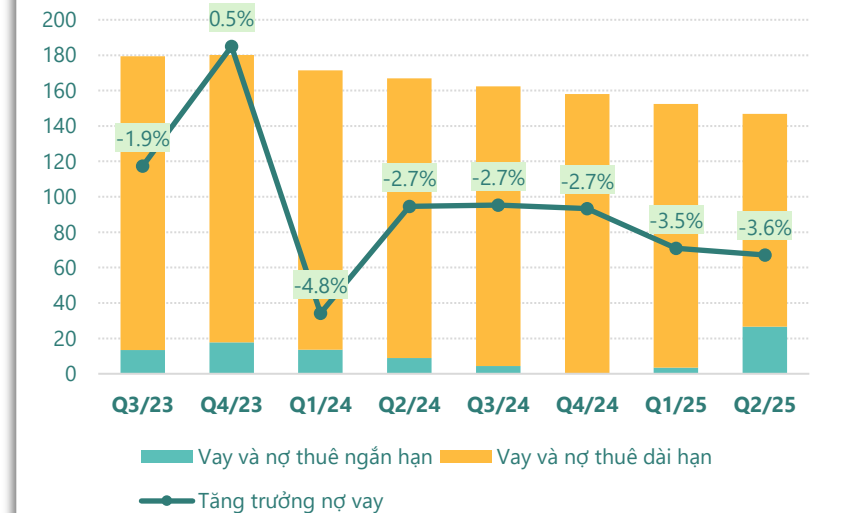
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

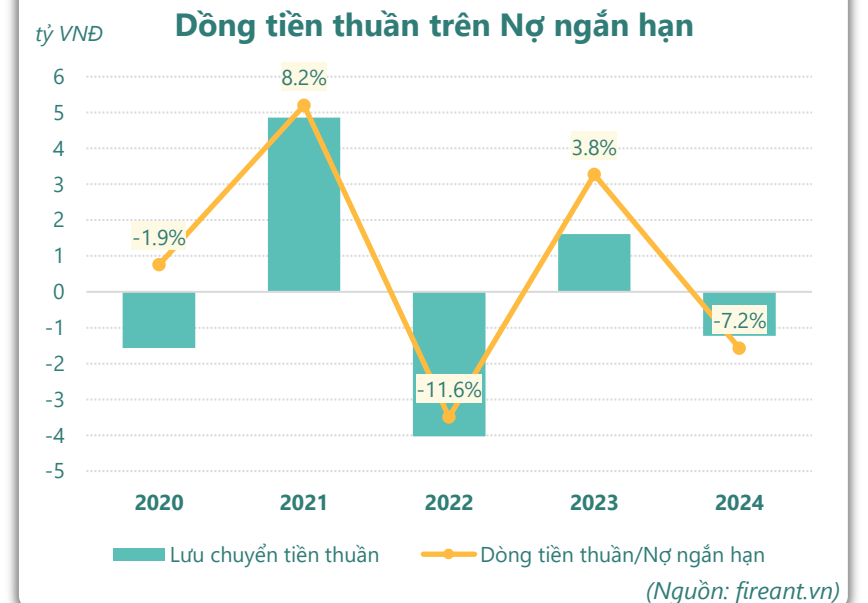
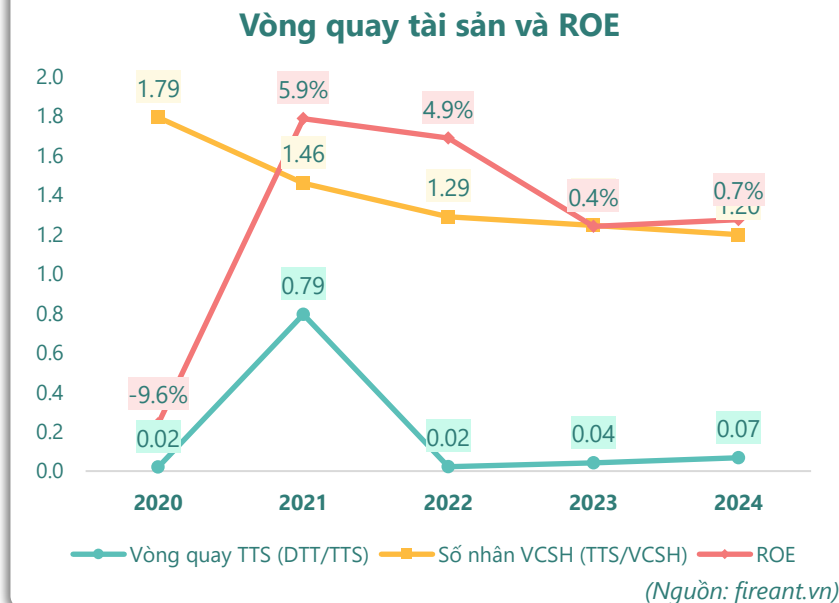
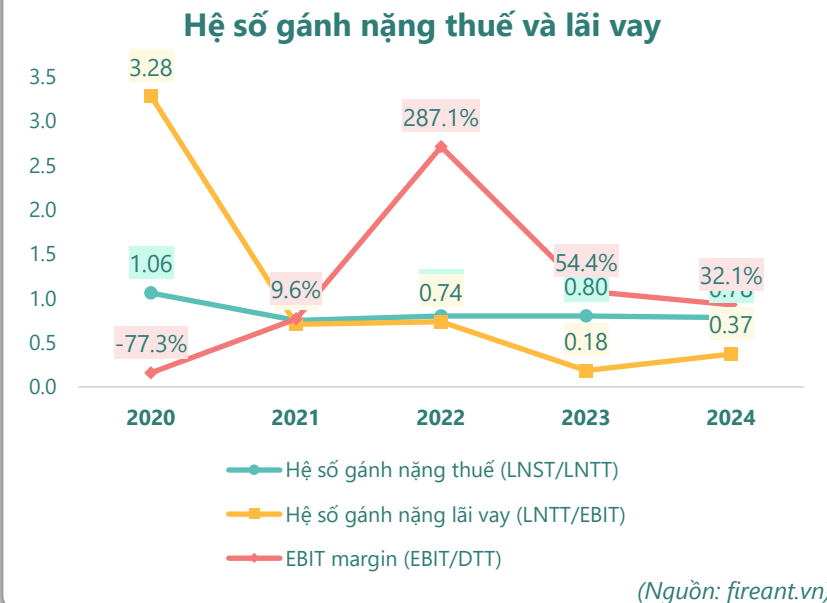
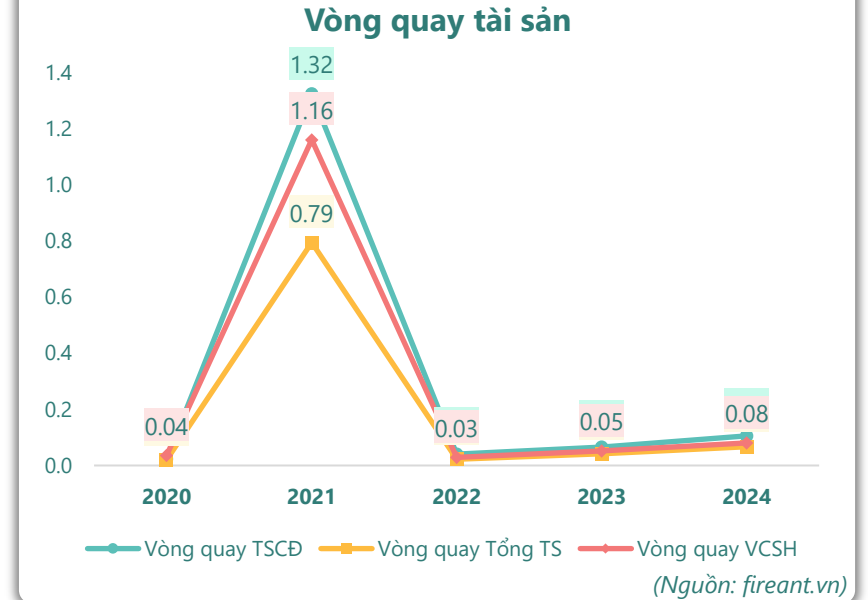
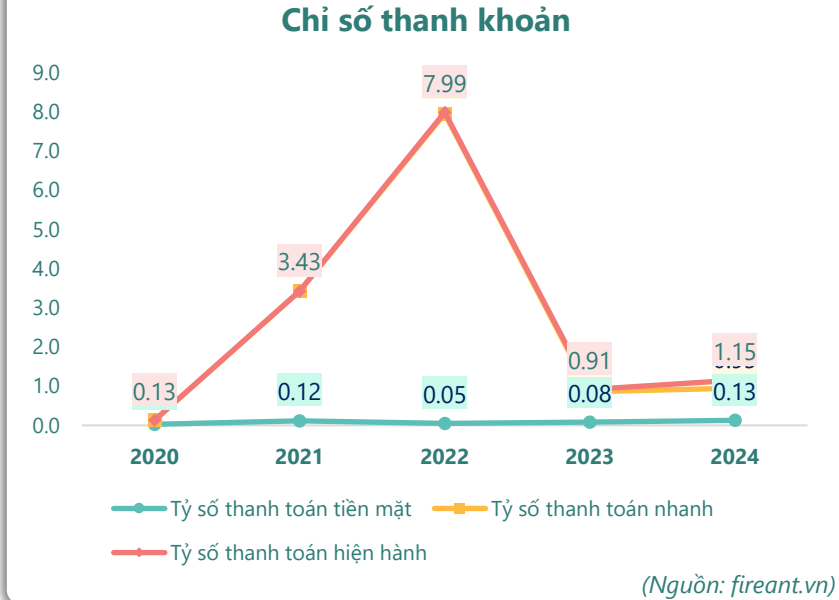
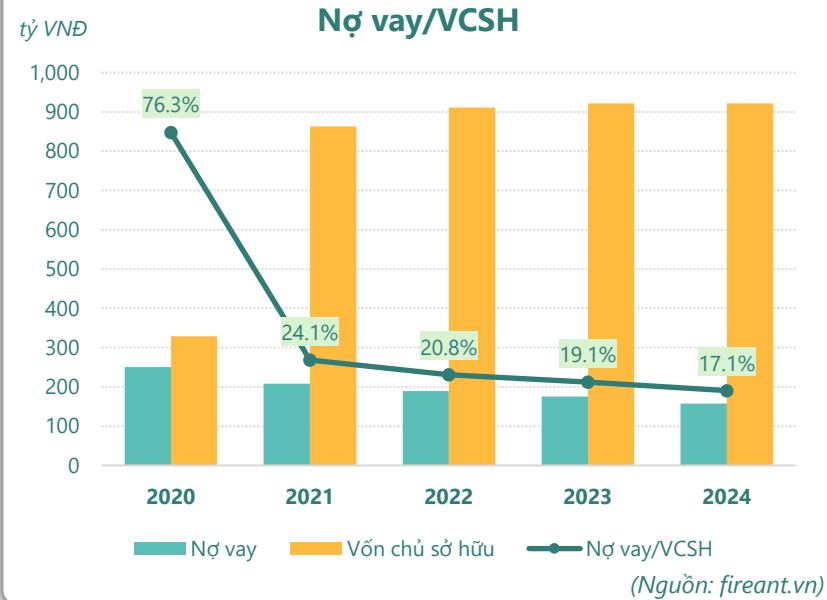
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	13.6	20.4	-33.3%	24.9	40.3	-38.3%
Giá vốn hàng bán	11.0	9.93	11.1%	26.1	20.8	25.8%
Lợi nhuận gộp	2.56	10.5	-75.6%	-1.29	19.5	-107%
Doanh thu HĐTC	6.51	0.00		13.4	0.34	3791%
Chi phí TC	3.41	3.65	-6.6%	6.96	7.70	-9.6%
Chi phí lãi vay	3.41	3.65	-6.6%	6.96	7.70	-9.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.51	0.03	1599%	0.74	0.04	1642%
Chi phí QLDN	2.12	4.99	-57.6%	4.09	9.18	-55.4%
LN thuần từ HĐKD	3.03	1.81	67.6%	0.29	2.93	-90.0%
Lợi nhuận khác	-4.00	-0.48	-733%	-4.00	-0.63	-539%
LN trước thuế	-0.97	1.33	-173%	-3.71	2.31	-261%
Lợi nhuận sau thuế	-0.97	0.06	-1709%	-3.71	0.18	-2154%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.97	0.08	-1307%	-3.71	0.13	-3030%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.6	-2.49	12.1	36.2	11.6	-18.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	19.3	2.96	-2.78	-35.3	-3.87	25.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.44	-4.44	-4.44	-4.44	-5.56	-5.56
Tiền đầu kỳ	3.42	4.74	0.77	5.68	2.19	4.35
Lưu chuyển tiền thuần	1.32	-3.97	4.91	-3.49	2.16	1.67
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.74	0.77	5.68	2.19	4.35	6.02

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,072	1,088	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	34.9	19.7	77.8%
Tiền và tương đương tiền	6.02	2.19	174%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.21	0	
Phải thu ngắn hạn	14.0	6.06	131%
Hàng tồn kho	0.99	3.49	-71.7%
Tài sản ngắn hạn khác	6.71	7.91	-15.2%
Tài sản dài hạn	1,037	1,068	-2.9%
Phải thu dài hạn	141	156	-9.9%
Tài sản cố định	679	691	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.38	0.35	298%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	190	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	25.6	30.5	-16.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	154	166	-7.2%
Nợ ngắn hạn	34.0	17.1	99.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	26.7	8.94	198%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.61	0.74	117%
Nợ dài hạn	120	149	-19.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	120	149	-19.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	917	921	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	917	921	-0.4%
Vốn điều lệ	842	842	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

